

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2021/DS-PT

Ngày: 29/4/2021

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phúc -Thư ký TAND tỉnh BN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa:** Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/4 và ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 45/2020/TLPT- DS ngày 24/12/2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2021/QĐ-PT, ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 19, ngõ 180 phố Nam D, phường Lĩnh N, quận Hoàng M, thành phố HN.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 46, ngõ 140 phố Đông T, phường Vĩnh H, quận Hoàng M, thành phố HN.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Bà Vũ Thị H, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thất G, xã Châu P, huyện QV, tỉnh BN.

Người có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S.

Người có kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện QV.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

*Các đương sự thống nhất trình bày:* Giữa Bà Nguyễn Thị S với vợ chồng Ông Nguyễn Văn T, Bà Vũ Thị H đều là người cùng quê Thôn Thất G, xã Châu P, huyện QV và còn có quan hệ họ hàng với nhau. Hiện Bà S đang được UBND huyện QV chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 29 đất Thôn Thất G, xã Châu P. Liên kề với thửa đất của Bà S về hướng Đông Bắc là thửa đất số 313, thửa 314 của vợ chồng Ông T, Bà H, liên kề về hướng Tây Nam thửa đất nhà Bà S là thửa đất của ông Phùng Hữu Dăm cũng là người cùng thôn với Bà S, Ông T, Bà H. Những thửa đất này đều đã được UBND huyện QV, tỉnh BN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng đất.

*Phía Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S do Bà S đại diện trình bày:* Thửa đất số 312 do vợ chồng bà mua của thôn theo diện đất giãn dân, đến tháng 6/2014 thì được UBND huyện QV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo sổ đỏ và hồ sơ kỹ thuật thửa đất thì thửa đất có diện tích  $125m^2$  và có chiều dài tứ cận hướng Đông Bắc giáp đất nhà Bà H dài 25,14m; hướng Tây Bắc giáp với đường liên thôn có chiều rộng 5,02m; hướng Tây Nam giáp đất nhà ông Dăm với chiều dài 25,14m và hướng Đông Nam giáp đất ruộng cũng có chiều rộng là 5,02m. Kể từ khi mua đến năm 2018 thì thửa đất này vợ chồng bà vẫn bỏ không. Đến tháng 01/2019 vợ chồng bà định làm nhà và có tiến hành đo đạc lại đất thì thấy thiếu đất. Chiều rộng mặt tiền của đất bà đo chỉ còn lại 4,9m như vậy thiếu mất 12cm, còn mặt hậu thiếu 4cm. Khi thấy thiếu đất như vậy thì bà có nói chuyện với hai nhà liên kề và có tiến hành đo lại thì thấy: Phần đất nhà ông Dăm có số liệu diện tích cũng như độ dài các cạnh đủ theo sổ đỏ. Diện tích đất nhà Ông T, Bà H gồm hai thửa đất liền nhau khi đo tính từ mép nhà 3 tầng nhà Ông T giáp với đất của anh Sơn (thửa số 315) kéo về đất nhà bà đến hết tường xây của nhà Ông T thì thừa ra so với số liệu trong sổ đỏ là  $1,75m^2$ . Như vậy, theo Bà S nhà Ông T, Bà H khi xây dựng công trình đã lấn sang đất của bà với diện tích là  $1,75m^2$ . Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Ông T, Bà H phải trả lại vợ chồng bà số diện tích đất đã lấn chiếm.

*Phía vợ chồng Ông Nguyễn Văn T, Bà Vũ Thị H trình bày:* Vợ chồng ông bà hiện đang sử dụng 02 thửa đất liền kề với thửa đất của Bà S, Ông S là các thửa số 313, thửa 314. Hai thửa đất này do ông bà mua của thôn từ năm 2005 và hiện đã được UBND huyện QV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo sổ đỏ và hồ sơ kỹ thuật thửa đất thì cả hai thửa đất này đều có diện tích  $125m^2$  và có tứ cận chiều rộng là 5,02m, chiều dài là 25,14m. Năm 2005 ông bà mua đất thì đến năm 2006 ông bà đã cho xây tường bao ngay, khi xây có chính quyền địa phương, địa chính đến đo và cắm mốc. Địa phương cắm mốc đến đâu thì ông bà làm đến đó, kể

từ đó vợ chồng ông bà vẫn sử dụng đất đúng với mốc giới mà trước đây địa phương đã cắm mốc. Theo ông bà thì hiện nay phần đất mà ông bà đang sử dụng (2 thửa) có chiều rộng mặt đường chỉ còn 10,03m và mặt hậu chỉ còn 10m. Như vậy số liệu độ dài các cạnh của hai thửa đất còn thiếu so với kích thước trong sổ đỏ và trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Nay vợ chồng Ông S, Bà S có yêu cầu khởi kiện đòi đất ông bà không nhất trí.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, ngày 4/9/2020 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất số 311, 312, 313 và 314 tờ bản đồ số 29 đất Thôn Thất G, xã Châu P có liên quan đến tranh chấp bằng phương pháp đo máy tọa độ dưới sự chứng kiến của Bà S, Ông T, Bà H. Việc đo đạc có sự thống nhất các điểm mốc giới giữa các đương sự trong vụ án và sự chứng kiến của UBND xã Châu Phong. Về giá đất tại thời điểm các đương sự thống nhất đất có giá chuyển nhượng là 12.000.000 đồng/1m<sup>2</sup>.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S khởi kiện đòi Ông Nguyễn Văn T, Bà Vũ Thị H phải trả lại diện tích đất 1,75m<sup>2</sup> liền kề.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2020 Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN có quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung:

Thứ nhất, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế sử dụng đất ngày 4/9/2020 của Công ty TNHH đo đạc Miền Bắc tính cả phần diện tích lấn ra đất lưu không thuộc hành lang giao thông để tính vào tổng diện tích đất so với tổng diện tích đất được cấp theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất; khi đo đạc chưa xác định rõ ranh giới của các thửa đất tranh chấp theo hồ sơ kỹ thuật mà căn cứ vào mốc giới theo thỏa thuận giữa các bên, chưa xác minh ý kiến của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc giao, quản lý mốc giới giữa các hộ sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất của các hộ hiện nay là thiếu sót.

Thứ hai, quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” nhưng phần quyết định của bản án HĐXX lại áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS quy định về “*Tranh chấp về giao dịch dân sự và hợp đồng dân sự*” là chưa chính xác. Bản án chỉ áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mà không áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án là thiếu sót và chưa đủ căn cứ.

Từ đó, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện QV.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt và xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần (3 lần) nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S và Ông Nguyễn Xuân S; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện QV được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp là kháng cáo, kháng nghị hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

Hội đồng xét xử thấy, bản án sơ thẩm đã xem xét giải quyết đầy đủ các yêu cầu của đương sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp; đưa đầy đủ người có liên quan vào tham gia tố tụng, tiến hành lấy lời khai của các đương sự trong vụ án, mở phiên họp hòa giải, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo theo trình tự thủ tục luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt và xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần (3 lần) nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do vậy, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Thửa đất số 312, tờ bản đồ số 29 đất Thôn Thất G, xã Châu P, huyện QV, tỉnh BN hiện đang do vợ chồng Ông Nguyễn Xuân S, Bà Nguyễn Thị S đứng tên quyền sử dụng đất. Thửa đất đã được lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất vào năm 2008, được UBND huyện QV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là sổ đỏ) vào năm 2014. Theo sổ đỏ và hồ sơ kỹ thuật thửa đất thì thửa đất có diện tích 125m<sup>2</sup>, có tứ cận và độ dài tứ cận như sau; Hướng Đông bắc giáp đất nhà Bà H, Ông T có độ dài 25,14m; Hướng Tây Bắc giáp đường liên thôn có độ dài 5,02m; Hướng Tây Nam giáp đất nhà ông Dăm có độ dài cạnh 25,14m và hướng Đông Nam giáp đất ruộng có độ dài cạnh 5,02m. Liên kề với thửa đất của Bà S về hướng Đông Bắc thửa đất số 313, thửa 314 của vợ chồng Ông T, Bà H. Các thửa đất của Ông T, Bà H cũng đều có diện tích 125m<sup>2</sup> và có chiều dài thửa đất là 25,14m, chiều rộng là 5,02m, hai thửa đất này của vợ chồng Ông T, Bà H cũng đã được UBND huyện QV cấp sổ đỏ. Liên kề về hướng Tây Nam thửa đất nhà Bà S là thửa đất số 311 của ông Dăm, thửa đất của ông Dăm cũng có diện tích và độ dài các cạnh giống như thửa đất của Bà S, Ông S.

Theo kết quả đo đạc thực tế do Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN thực hiện ngày 4/9/2020 thì thấy: Đo chiều rộng mặt tiền hai thửa đất số 314, 313 nhà Ông T, Bà H tính từ phần giáp ranh với thửa đất nhà anh Sơn (mốc giới này đã được Bà S, Ông T xác định) kéo theo ranh giới hướng Tây Bắc hai thửa đất về đến điểm ranh giới giữa đất nhà Ông T với đất nhà Bà S (điểm mốc ranh giới này cũng được Bà S, Ông T xác định) có kết quả đo là 9,98m. Đo chiều rộng mặt hậu của hai thửa đất nhà Ông T cũng với ranh giới xác định như trên có kết quả đo là 9,95m; Đo chiều rộng mặt tiền hướng Tây Bắc thửa đất số 312 của nhà Bà S (mốc gianh giới do Bà S xác định) có kết quả rộng 5,06m, chiều rộng mặt hậu thửa đất có kết quả 4,96m; Đo chiều rộng mặt tiền hướng Tây Bắc thửa đất số 311 của nhà ông Dăm (mốc ranh giới giữa đất ông Dăm với đất Bà S do Bà S xác định) có kết quả rộng 4,97m, chiều rộng mặt hậu thửa đất có kết quả 5,01m; Đo xác định diện tích sử dụng đất theo hiện trạng, theo mốc ranh giới các đương sự đã xác định kết quả 02 thửa đất nhà Ông T,

Bà H có tổng diện tích 240,6m<sup>2</sup>, kết quả đo diện tích thửa đất nhà Bà S là 125,6m<sup>2</sup>, kết quả đo diện tích đất nhà ông Dăm là 128,8m<sup>2</sup>.

Xét nội dung kháng cáo của Bà S, Ông S và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN. HĐXX thấy:

Thứ nhất, quyết định kháng nghị cho rằng bản án sơ thẩm đã căn cứ vào diện tích sử dụng đất thực tế của gia đình Bà S và gia đình Ông T có cả phần diện tích đất lấn ra đất lưu không thuộc hành lang giao thông để xác định diện tích đất của các hộ không thiếu so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa chính xác. Bởi lẽ, khi đo đạc các đương sự đều thống nhất chỉ mốc ranh giới và thừa nhận mốc ranh giới đã chỉ để làm căn cứ giải quyết vụ án, có sự chứng kiến của UBND xã Châu Phong. Như vậy, việc bản án sơ thẩm căn cứ vào diện tích sử dụng đất thực tế của các bên để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

Thứ hai, quyết định kháng nghị cho rằng khi đo đạc chưa xác định rõ ranh giới của các thửa đất tranh chấp theo hồ sơ kỹ thuật mà căn cứ vào mốc ranh giới theo thoả thuận giữa các bên. HĐXX thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các thửa đất liên quan và thuê Công ty cổ phần đo đạc Miền Bắc tiến hành đo hiện trạng các thửa đất bằng máy. Theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất mà Công ty cổ phần đo đạc Miền Bắc cung cấp thể hiện các nội dung loại đất, số hiệu các thửa đất theo bản đồ địa chính, diện tích theo hiện trạng sử dụng, cạnh thửa đất theo hiện trạng sử dụng, ranh giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng, *“ranh giới thửa đất theo bản đồ địa chính”*, nhà trên đất. Như vậy, trong quá trình đo đạc và trích đo các thửa đất phía Công ty cổ phần đo đạc Miền Bắc đã đo hiện trạng và áp sơ đồ kỹ thuật cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào bản trích đo đạc.

Đối với quyết định kháng nghị cho rằng bản án sơ thẩm khi giải quyết vụ án chưa xác minh ý kiến của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc giao, quản lý mốc giới giữa các hộ sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất của các hộ hiện nay và tại phiên toà ngày 02/4/2021 đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị HĐXX xem xét ngừng phiên toà để tiến hành xác minh với địa phương về nội dung này. HĐXX xét thấy, việc xác minh với địa phương về nội dung trên là cần thiết do vậy đã quyết định ngừng phiên toà. Tại biên bản làm việc ngày 16/4/2021 giữa Toà án nhân dân tỉnh BN với UBND xã Châu Phong, huyện QV đã xác định việc Toà án nhân dân huyện QV, tỉnh BN tiến hành thẩm định thực tế hiện trạng việc sử dụng đất của các hộ Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Thủy ngày 4/9/2020 thì địa phương có tham gia

và việc thẩm định này là hoàn toàn khách quan, các mốc ranh giới các bên đương sự thoả thuận thừa nhận là phù hợp pháp luật, địa phương không có ý kiến gì.

Thứ ba, theo kết quả xem xét thẩm định thực tế thì trên 02 thửa đất số 313, 314 của gia đình Ông T, Bà H sử dụng có diện tích và độ dài các cạnh mặt tiền, mặt hậu không vượt quá so với diện tích và độ dài các cạnh được xác định trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Trong khi xét mốc giới theo sơ đồ địa chính và mốc giới hiện trạng sử dụng thì các cạnh tiếp giáp của các thửa đất số 311, 312, 313, 314 không bị chồng lấn sang nhau, ranh giới thực tế và ranh giới cấp giấy chứng nhận đều trùng nhau. Hơn nữa, theo kết quả đo xác định diện tích sử dụng hiện trạng, theo mốc ranh giới các đương sự đã xác định kết quả 02 thửa đất nhà ông Thuỷ, Bà H có tổng diện tích là 240.6m<sup>2</sup>, kết quả đo diện tích đất nhà Bà S, Ông S là 125,6m<sup>2</sup>, các mốc ranh giới này là do các bên tự thoả thuận thừa nhận, việc xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án cấp sơ thẩm là hoàn toàn khách quan và đúng quy định của pháp luật, phía UBND xã Châu Phong cũng hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì về kết quả thẩm định này. Do vậy, không có căn cứ cho rằng Ông T, Bà H lấn đất của gia đình Bà S, Ông S. Việc bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Bà S, Ông S là có căn cứ.

Thứ tư, theo bản án sơ thẩm xác định thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”* nhưng quyết định của bản án sơ thẩm lại áp dụng khoản 3 Điều 26 quy định về *“Tranh chấp về giao dịch dân sự và hợp đồng dân sự”* và khi giải quyết tranh chấp bản án sơ thẩm không áp dụng luật nội dung là Bộ luật dân sự để giải quyết. Do vậy, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng việc áp dụng pháp luật của bản án sơ thẩm là chưa chính xác và thiếu sót là đúng. Tuy nhiên, bản chất của tranh chấp là *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”* nên việc bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”* là phù hợp, còn việc áp dụng điều luật sai của bản án sơ thẩm không làm thay đổi nội dung trong phần quyết định của bản án mà chỉ là sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm chỉ cần chỉnh sửa và áp dụng bổ sung luật nội dung cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Bà S, Ông S không đưa được căn cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên kháng cáo của Bà S và Ông S không có căn cứ chấp nhận. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, theo hướng sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

Về án phí: Bà S, Ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S và Ông Nguyễn Xuân S; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện QV. Sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

Căn cứ Điều 166; 175; 176 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S khởi kiện đòi Ông Nguyễn Văn T, Bà Vũ Thị H phải trả lại diện tích đất 1,75m<sup>2</sup> liên kê.

2. Về án phí, chi phí thẩm định tài sản: Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S phải chịu 1.225.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông S, Bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Bà S đã nộp số tiền 650.000 đồng, Ông S đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000688 ngày 29/8/2019, số 0002443 ngày 28/10/2020 và số 0002442 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QV.

Bà Nguyễn Thị S, Ông Nguyễn Xuân S phải chịu 5.000.000 đồng chi phí thẩm định tài sản (xác nhận Bà S đã nộp đủ 5.000.000 đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện QV;
- Chi cục THADS huyện QV;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Hòa**